TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07/5/2018
Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sen;

2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quyền T, sinh năm 1988 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà xx ấp P, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn Q, sinh năm 1984 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà xx ấp P, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2017 (BL 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Quyền T trình bày:

Năm 2008, chị T kết hôn với anh Dương Văn Q và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/5/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà xx ấp P, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, chị T và anh Q đã có 02 con chung là cháu Dương Đăng K (Nam), sinh ngày 09/11/2008 và Dương Đăng M (Nam), sinh ngày 19/3/2012. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, anh Q có biểu hiện không chung thủy làm cho tình cảm phai nhạt nên không còn hạnh phúc nữa. Đặc biệt, từ đầu năm 2017, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể khắc phục được. Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Dương Văn Q.

Về con chung: Do cháu K có nguyện vọng được sống cùng mẹ, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi các con chung trưởng thành và lao động được.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Q tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, chị T có Đơn đề nghị miễn án phí do gia đình chị T thuộc trường hợp hộ cận nghèo năm 2018.

Chứng cứ do chị T giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu K và M (BL 02-09), Giấy chứng nhận hộ cận nghèo năm 2018 (BL 55).

- Đối với bị đơn Dương Văn Q: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh Q không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh Q vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/11/2017, ngày 04/01/2018; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh Q, thông báo bằng văn bản cho anh Q có quyền làm đơn yêu cầu miễn nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật. Phiên tòa ngày 19/4/2018, bị đơn Q vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản lấy lời khai của cháu Dương Đăng K (BL 24), Biên bản xác minh nơi cư trú của bị đơn, tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguyện vọng và điều kiện của các đương sự (BL 25, 26).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quyền T, giải quyết cho chị T ly hôn với anh Dương Văn Q; giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh Q phải cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị T; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định nghĩa vụ chịu án phí đối với các đương sự, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Quyền T khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn Q và giải quyết quyền nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Yêu cầu của chị T được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Dương Văn Q đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn và bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu K và cháu M cũng như việc không phản đối của anh Q và kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị T về việc kết hôn với anh Q, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/5/2008 và vợ chồng đã có 02 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị T và anh Q đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Q. Mặc dù Tòa án đã 02 lần mở phiên họp, hòa giải để phân tích, động viên cho vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh Q đều vắng mặt. Như vậy, cùng với việc không phản đối yêu cầu ly hôn của chị T đã chứng tỏ anh Q không có nguyện vọng đoàn tụ; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình nên chị T với anh Q đã không còn tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân của chị T với anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T ly hôn với anh Q.

- Tại thời điểm xét xử vụ án, cháu K đã trên 07 tuổi, được học tập ổn định và có nguyện vọng sống cùng mẹ (BL 24), cháu M cũng đã liên tục sống với chị T, cả 02 cháu đều phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ; như vậy, chị T đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh Q, từ hơn 01 năm nay đã không có sự quan tâm, chăm lo cho cháu K và cháu M; anh Q đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật vừa viện dẫn ở trên. Cho nên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt được tốt hơn và tránh sự xáo trộn nề nếp sinh hoạt, môi trường sống của cháu K và cháu M thì cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung; anh Dương Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đến khi cháu K, cháu M đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Trên cơ sở anh Q không phản đối về mức cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị T, căn cứ nhu cầu thiết yếu về nuôi dưỡng và học tập của cháu K cùng cháu M, hiện anh Quấn đang làm công (Điều khiển sà lan) theo kết quả xác minh của Tòa án (BL 25). Do đó, Hội đồng xét xử nhận định, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi người con, hình thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện cuộc sống thực tế tại địa phương; việc cấp dưỡng này cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Q, bởi anh Q còn có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con quy định tại Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nguyên đơn T tiếp tục khẳng định tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, được miễn nộp tiền án phí do chị T có đơn xin miễn và thuộc hộ cận nghèo.

Anh Q phải chịu án cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Quyền T được ly hôn với anh Dương Văn Q.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Quyền T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung là cháu Dương Đăng K (Nam), sinh ngày 09/11/2008 và Dương Đăng M (Nam), sinh ngày 19/3/2012.

Trong thời gian chị T nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng: Anh Dương Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Dương Đăng K và cháu Dương Đăng M, định kỳ mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (Mỗi tháng một triệu đồng cho một cháu), cấp dưỡng đến khi cháu K, cháu M đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nêu trên được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị Quyền T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được miễn nộp số tiền này. Chị Nguyễn Thị Quyền T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0009674 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

Anh Dương Văn Q phải chịu án cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

6. Chị Nguyễn Thị Quyền T có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Dương Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG